

Truyền tâm pháp

(tiếp theo và hết)

Đoạn Tế



Tám muôn bốn ngàn pháp môn là đối với tám muôn bốn ngàn phiền não mà kiến lập, đây là phương cách giáo hóa, muốn tiếp dẫn nên tạm lập ra, thật không một pháp có thể được. Xa lìa tức là Pháp, biết xa lìa tức là Phật. Chỉ xa lìa tất cả phiền não, thật không có một pháp gì có thể được, như người bệnh, mắt thấy hoa đóm trong hư không, khi bệnh mắt hết, hoa không còn nữa. Người học đạo muốn được yếu quyết chỉ ngay trên tâm mình, Cái gọi là Phật chính là Pháp Thân như hư không, hư không và pháp thân là một nên nó có khắp tất cả chỗ. Pháp thân và hư không không có tướng mạo khác, thì Phật và chúng sanh không có tướng mạo khác, sanh tử niết bàn không có tướng khác, lìa tất cả tướng là Phật. Phàm phu chấp cảnh, người Tu chấp Tâm, Tâm và cảnh đều quên đó là Pháp Thiệt. Quên cảnh còn dễ chứ quên tâm thực vô cùng khó, người không dám quên tâm sẽ lạc vào cái không Vô-Lạc Mô Xứ (không có chỗ dính), đâu biết rằng cái không vốn không phải là không, chỉ còn có một chơn pháp giới. Vì thế, Giác Tánh từ vô thủy đến nay tuổi thọ đồng với hư không, chưa từng sanh chưa từng diệt, chưa từng có chưa từng không, chưa từng trẻ chưa từng già, không nơi chốn trong ngoài, không số lượng, không hình tướng, không sắc tướng, không âm thanh, không thể tìm cầu, không dùng trí tuệ mà biết được, không thể dùng ngôn ngữ để nói tới, không thể dùng cảnh vật để hiểu, không thể dùng công dụng mà đến. Tất cả Chư Phật, Bồ Tát cho đến bò bay mái cựa đều cùng tánh Niết Bàn này. Tánh là Tâm, Tâm là Phật, Phật là chính pháp. Một niệm lìa Chơn đều là vọng tưởng, không thể dùng Tâm mà cầu tìm Tâm, không thể dùng Phật để cầu Phật, không thể lấy Pháp để cầu Pháp. Nên người học đạo đi thẳng vào vô tâm để mặc nhận, khuấy tâm là sai, lấy tâm truyền tâm thật là chánh kiến. Cần thận đừng hướng bên ngoài đuổi theo cảnh, nhận cảnh làm tâm chẳng khác nhận giặc làm con. Vì có tham sân si nên lập ra Giới Định Huệ, nếu không phiền não đâu có Bồ Đề. Nên Tổ sư nói: "Phật nói tất cả Pháp để trừ tất cả Tâm, Ta không tất cả Tâm cần gì tất cả Pháp." Nguồn gốc của Phật tánh là thanh tịnh không có một vật, giống

như hư không, dù đem vô lượng ngọc quý để trang nghiêm, rốt ráo không thể trụ. Phật tánh đồng với hư không dù dùng vô lượng công đức trí tuệ để trang nghiêm, rốt ráo không thể trụ.

Sở dĩ nói pháp môn Tâm Địa là muôn pháp đều từ tâm này mà kiến lập, gặp cảnh là CÓ, không cảnh là KHÔNG, không thể ở trên tánh thanh tịnh mà giải thích phân biệt cảnh. Nói Định Huệ soi xét rõ ràng, thấy nghe hay biết lặng lẽ, tỏ chiếu đều là trên cảnh làm việc giải thích, tạm vì người có căn cơ trung và hạ mà nói thì được, nếu muốn thân chứng đều không nên có kiến giải như thế. Cuối cùng của cảnh và pháp này đều phải tiêu mất, đã có chỗ tiêu mất là có nơi chốn. Chỉ cần ở trong tất cả pháp, không thấy pháp có và không là thấy được pháp.

Tổ Sư Đạt Ma đến Trung Quốc chỉ truyền một Tâm, chỉ nói một pháp, lấy Phật truyền Phật không nói vị Phật nào khác, đem pháp truyền pháp không nói pháp nào khác. Phật là ông Phật chính mình, đó là Tâm có nguồn gốc thanh tịnh xưa nay của chúng ta. Ngài chỉ truyền có một sự thực này, nếu có hai thì không phải là lẽ chơn thật. Bát Nhã dịch là trí tuệ, Tuệ này là Bản tâm vô tướng. Kẻ phàm phu không chịu theo đạo, chỉ nhớ sáu tình, làm theo sáu nẻo, người học đạo chỉ có một niệm



phân biệt là lạc vào ma đạo, một niệm khởi ra các chấp, liền lạc vào ngoại đạo. Chấp có sanh, chạy theo tịch diệt là lạc vào Thịnh Văn, không chấp có sanh chỉ chấp có diệt là lạc vào Duyên Giác. Pháp từ xưa vốn không sanh, đến nay cũng không diệt, không khởi hai chấp, không chán không ưa. Tất cả các pháp chỉ là nhất tâm, đó mới gọi là Phật Thừa.

Phàm phu đều mê nơi cảnh mà sanh tâm, tâm liền có ưa chán, nếu muốn không luyến cảnh tâm phải quên, tâm đã quên cảnh sẽ không, cảnh đã không thì vọng tâm cũng diệt. Nếu không quên vọng tâm mà có trụ cảnh thì cảnh không thể trụ còn thêm nhiều quấy phá, muôn pháp chỉ do vọng tâm sanh, vọng tâm cũng không có lấy gì để tìm. Người học trí tuệ không chấp một pháp có thể được, dứt hẳn ý ba thừa, chỉ có nhất thừa chơn thật. Từ không có chỗ chứng đắc, nếu nói ta đã chứng, đã đắc đều là người tăng thượng mạn, như những kẻ khoát áo ra đi trên hội Pháp Hoa. Nên Phật dạy: Ta ở Đạo Bồ Đề không có chỗ được, chỉ mặc kệ mà thôi.

Người khi sắp lâm chung chỉ Quán năm uẩn vốn không, tứ đại vô ngã, chơn tâm không tướng, chẳng đến chẳng đi, khi sanh tánh cũng không đến, khi chết tánh cũng không đi, lặng lẽ tròn sáng tâm và cảnh đều nhất như, tỏ ngộ, chỉ được như vậy thì nghiệp duyên ba đời không thể trôi buộc được. Đó chính là người xuất thế. Nếu thấy tướng lành như chư Phật đến rước hoặc thấy cảnh hiện



tiên cũng không có tâm đi theo, nếu thấy ác tướng các cảnh ác hiện ra cũng không lòng sợ sệt, chỉ tự mình quên tâm, đồng với pháp giới, liền được tự tại. Đây là một yếu quyết.

Nói Hóa thành, đó là giáo pháp quyền lập để tiếp dẫn hàng nhị thừa. Nói Bảo sở là nói cái quý báu của Chơn tâm hay nguồn gốc của tự tánh Phật. Chỗ quý báu này không thuộc về sự đo lường của tình trần nên không thể kiến lập, vì nó không năng sở, không Phật và chúng sanh. Có người hỏi chỗ nào là Thánh? Câu hỏi này là hỏi về Hóa Thành còn Bảo sở thì không thể chỉ, nếu chỉ cái gì thì cái đó phải có phương hướng và nơi chốn thì không phải là Bảo Sở rồi. Nên nói: Bảo sở là vật ở sát bên mình mà không thể định lượng hay nói năng, chỉ ngay lúc ấy hiểu thấu là đúng. Những người tạo tội xiển đề không thể tin được. Tất cả chúng sanh cho đến nhị thừa, ai không tin Phật Quả đều gọi là người tạo tội Xiển Đề, đoạn hết căn lành Phật Tánh. Người Tu hành phải trực ngộ tự tâm, nếu chỉ nghe giáo pháp rồi sanh ra biểu giải, ngộ theo giáo pháp được giải dù có trải qua nhiều kiếp cũng không thể chứng Phật Quả. Người tu cần yếu phải kết hợp với bản tâm, không cần cầu pháp vì tâm chính là pháp.

Có một số người bị cảnh làm trở ngại lôi cuốn tâm, nên thường muốn trốn cảnh để an tâm, dẹp sự, giữ lý, họ không biết rằng Tâm ngại cảnh, lý ngại sự, chỉ cần tâm không cảnh tự nó không, chỉ làm chỗ lý yên lặng, sự tự nhiên yên lặng, đừng bao giờ dùng ngược lại. Có người không dám trở về tâm không, vì sợ lạc vào không, họ đâu biết rằng Tâm vốn không. Người mê trụ cảnh không trụ tâm, kẻ trí trụ tâm không trụ cảnh, Tâm Bồ Tát như hư không, tất cả đều xả, làm được phước đức đều không tham trước. Bồ Tát xả có ba bậc:

1. Thân tâm trong ngoài tất cả đều xả cũng như hư không, không có chỗ chấp trước, sau đó, tùy theo phương cách mà ứng vật, năng và sở đều quên gọi là Đại Xả.
2. Hành đạo bố đức một phía hỉ xả không có lòng hy vọng gọi là Trung Xả
3. Rộng tu các pháp lành có chỗ hy vọng. Bậc này nghe pháp biết các pháp là không, nên không chấp gọi là Tiểu Xả.

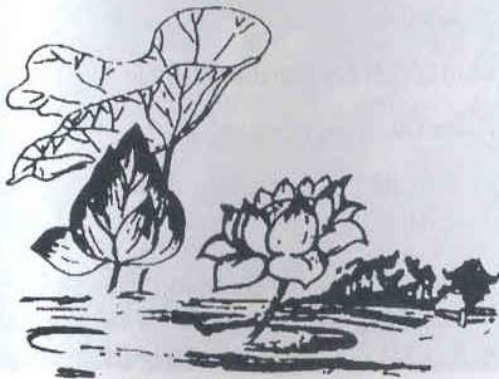
Bậc đại xả như đuốc lửa ở trước mắt không còn mê ngộ. Bậc trung xả như đuốc lửa ở cạnh bên hoặc tối hoặc sáng. Bậc tiểu xả như đuốc lửa phía sau khó thấy được hầm hố. Nên Bồ Tát Tâm như hư không tất cả đều xả. Biết tâm quá khứ không thể được là xả tâm quá khứ, biết

tâm hiện tại không thể được là xã tâm hiện tại, biết tâm vị lai không thể được là xã tâm vị lai, nên nói ba đời đều xã hết.

Từ Đức Như Lai phó giao cho Ngài Ca Diếp đến nay đều lấy tâm in vào tâm, mỗi tâm đều không sai khác. In vào không là in không thành văn, in vào vật tức là in không thành pháp, nên lấy tâm in tâm mỗi tâm đều y như nhau, chỗ năng in và sở in đều không khế hội, nên người được ít, nhưng tâm vốn vô tâm, được vốn không được. Phật có ba thân: Pháp thân nói về pháp tự tánh rỗng thông, Báo thân nói về pháp tất cả thanh tịnh, Hóa thân nói về pháp lực độ vạn hạnh. Pháp thân nói pháp không thể tìm trong ngôn ngữ, âm thanh, hình tướng, không chỗ nói đến và không chỗ chứng, tự tánh ấy rỗng thông không ngại, nên nói: Không pháp để nói gọi là thuyết pháp. Báo thân, Hóa thân đều tùy theo cơ mà ứng hiện, chỗ nói pháp đều theo chỗ hợp căn cơ mà nhiếp hóa, nên không phải là pháp chơn thật, nên nói báo thân và hóa thân không phải là Phật thiệt, cũng không phải là người nói pháp.

Một Tinh-Minh chia ra làm sáu hòa hợp. Một tinh minh là Nhất Tâm, sáu hòa hợp là sáu căn, sáu căn này đều hợp với sáu trần. Mắt hợp với sắc, tai hợp với tiếng, mũi hợp với hương, lưỡi hợp với vị, thân hợp với xúc, ý hợp với pháp rồi sanh ra sáu thức là 18 giới đều do hòa hợp mà sanh nên không phải có. Gồm sáu hòa hợp vào một tinh minh, một tinh minh là Tâm. Người học đạo đều biết việc này nên khỏi giảng giải một tinh minh sáu hòa hợp, nếu có giải là bị pháp trói buộc không hợp với bản tâm.

Đức Như Lai ra đời muốn nói pháp chơn thật nhất thừa, nhưng chúng sanh không tin lại sanh lòng bài báng nên chìm đắm trong bể khổ. Nếu chúng sanh bị rơi vào xan tham mà không nói diệu đạo, thực hành pháp xã để cởi mở sự trói buộc thì đến bao giờ chúng sanh mới hết khổ, nên mới lập phương tiện nói pháp tam thừa. Thừa có nhỏ lớn nên chỗ được có cạn có sâu, đều không phải là pháp



căn bản. Nên Cổ Đức nói: Chỉ có một nhất thừa, có hai chẳng phải chơn. Nhưng cuối cùng nhiều người chưa hiểu rõ được pháp nhất tâm, nên Phật mời Ngài Ma Ha Ca Diếp đồng pháp tòa riêng phó pháp nhất tâm, lia ngôn từ nói pháp. Đây là một chi nhánh pháp đi riêng, nếu người có thể khế hợp, liền thẳng đến Phật Quả.

Để nhận định rõ pháp nhất tâm này ta hãy xem qua đoạn đối đáp của Hoàng Bá Đoạn Tế Thiền Sư và Thừa Tướng Bùi Hưu.

Hỏi: Thế nào là đạo, làm thế nào để tu hành?

Đáp: Đạo là vật gì mà ông muốn tu hành.

Hỏi: Các Bậc Tôn Sư đều tiếp nối truyền tham thiền học đạo thế nào?

Đáp: Chỉ tiếp dẫn những hàng độn căn mà nói, không thể căn cứ vào đó được.

Hỏi: Nói là tiếp độn căn, còn tiếp thượng căn nói pháp gì?

Đáp: Là Bậc Thượng căn đâu còn gì để tìm ở người khác, tự mình còn có chỗ không thể được, hà huống có pháp riêng để tiếp sao? Không thấy trong giáo pháp nói: Các pháp đều không có tướng trạng.

Hỏi: Nếu như thế thì không cần cầu pháp?

Đáp: Nếu tâm lúc đã tĩnh ngộ tại sao lại đoạn tuyệt sự tìm cầu.

Hỏi: Như thế không cần đoạn tuyệt nó phải không?

Đáp: Ai bảo nó là không, Nó là ai mà ông đi tìm nó!

Hỏi: Đã không chỗ tìm cơ sao lại nói không đoạn tuyệt nó?

Đáp: Nếu không tìm là được ai bảo ông đoạn tuyệt nó, Ông hãy nhìn hư không trước mắt làm sao đoạn tuyệt với hư không?

Hỏi: Pháp ấy có đồng với hư không chẳng?

Đáp: Hư không từ sáng đến tối đều có mặt, ở chung nhưng khác với ta, tạm nói như vậy để từ đó ông thấy được.

Hỏi: Như thế nó vượt ngoài sự hiểu biết của con người?

Đáp: Ta không hề chướng ngại, vì hiểu biết thuộc về tình, tình đã sanh ra thì trí tuệ bị ngăn cách.

Hỏi: Như thế muốn tiến tới đó đừng sanh tình phải không?

Đáp: Nếu không sanh tình lấy ai để nói?

Hỏi: Vừa nghe Hòa Thượng nói, lời ấy có dọa lạc không?

Đáp: Ông thật không hiểu lời người nói thì có gì bị dọa lạc.

Hỏi: Nếu lời nói là sai thì thầy chưa từng có lời thật để dạy người?

Đáp: Pháp Thiệt nó vốn không diên đảo, ông nay hỏi đến tự mình đã sanh ra diên đảo, làm sao tìm được pháp thiệt.

Hỏi: Nếu hỏi là tự sanh diên đảo còn lời Hòa Thượng đáp thế nào?

Đáp: Ông hãy tự soi mặt mình xem đừng xem người khác. Một con chó dại thấy tiếng động, vật lai liền sủa, dù gió thổi cây động cũng không biết. Thiền Tôn từ sơ Tổ tương truyền chưa từng dạy người tìm cầu hiểu biết, chỉ nói kẻ học đạo sơ cơ cần có lời tiếp dẫn, nhưng Đạo cũng không thể học. Tình còn ở nơi chỗ học hiểu liền thành đường mê. Đạo không có chỗ nơi gọi là tâm đại thừa. Tâm ấy quả thực không có trong ngoài chặn giữa, thật không có chỗ nơi. Đặc biệt không được làm việc trí giải. Ông hôm nay lấy tình để so lường, tình so lường đã hết tâm cũng không còn phương sở. Đạo vốn thiên chơn không có danh tự, chỉ vì người đời không biết mê theo



tình đặt nhiều tên chữ. Vì thế Chư Phật ra đời cốt phá việc này, e các ông không hiểu nên quyền lập lấy tên là ĐẠO. Vì thế không thể chấp lấy tên chữ để phân biệt so lường. Người xưa nói: Được cá quên nôm, thân tâm tự nhiên đạt Đạo, biết Tâm hiểu được Bản nguyên gọi là Sa-Môn.

Bậc Sa Môn dứt suy nghĩ mà thành, không phải nhờ có học mà được, ông hôm nay lấy tâm tìm tâm, chạy sang nhà bên cạnh, cố tìm học biết bao giờ mới được Đạo. Người xưa tâm rất nhạy bén, chỉ nghe được một lời là tâm dứt tất cả việc học, do đó gọi "Tuyệt học, không làm (vô vi) là người Đạo nhân rồi". Ngày nay người học Đạo chỉ muốn biết nhiều giải nhiều, rộng câu văn nghĩa gọi là Tu Hành, không biết rằng: biết nhiều hiểu nhiều trở thành bí lếp. Người ưa biết có tiêu hoặc có hại gì không. Bậc Tam Thừa học đạo cũng giống như trẻ uống sữa, ăn vào cho nhiều không tiêu, đã không tiêu sẽ biến thành thuốc độc, tất cả đều chấp theo sanh diệt còn trong chơn như không hề để tâm tới. Nên Cổ Đức nói: Trong kho của vua ta chẳng có vật gì. Nếu từ trước có hiểu rõ như thế, tất cả đều yên tịnh, làm cho tâm trống không, không còn gì để phân biệt, tức là Không Như Lai Tạng.

Như Lai Tạng không dính một mảy trần, là vị Pháp vương pháp hữu ở thế gian. Nên Đức Thế Tôn cũng nói: Ta ở nơi Phật Nhiên Đăng không có một chút pháp gì có thể được. Lời nói ấy là không. Nếu so lường tình chấp đã tiêu tan hết, tình đã dứt không có gì nương theo để chấp. Đó là người Vô-Sự. Giáo lý dạy cho ba thừa chỉ là thuốc trị bệnh, tùy nghi mà giải nói, mỗi pháp đều không đồng, nếu hiểu được ý ấy sẽ không còn mê lầm. Điều quan trọng nhất là đừng bao giờ đối với một căn cơ mà biến thành vấn đề giải thích. Vì sao? Vì Như Lai không có một pháp để nói. Ở trong tông môn ta không luận việc văn tự ấy. Chỉ biết tâm an là được, cần gì nghĩ trước lo sau.

Hỏi: Từ trước đến giờ luôn luôn nói Tâm ấy là Phật, không biết Tâm Phật ấy là tâm nào?

Đáp: Ông có mấy tâm?

Hỏi: Tâm phàm là Phật hay tâm thánh là Phật?

Đáp: Tâm Phàm Thánh của ông ở chỗ nào?

Hỏi: Ở trong tam thừa nói có phàm thánh sao Hòa Thượng nói là không?

Đáp: Trong tam thừa ta đã nói rõ, Tâm phàm và tâm Thánh đều là vọng, ông nay không hiểu lại chấp là có, lấy không làm thật, há chẳng phải là vọng sao? Vọng

nên tâm mê, Ông nay chỉ cần bỏ hết tình phàm cảnh thánh, thì ngoài tâm ấy ra không có ông Phật nào khác. Tổ Đạt Ma từ Ấn Độ sang, chỉ tất cả mọi người toàn thể là Phật. Ông nay không biết, chấp phàm chấp thánh, hướng bên ngoài dong rui kiếm tìm, lại tự tâm mê. Sở dĩ ta nói với ông Tâm chính là Phật, vì một niệm tình sanh tức rơi vào đường tà, từ vô thủy đến nay Tâm vẫn thế ấy, không có pháp nào khác nên gọi là thành đẳng chánh giác.

Hỏi: Hòa Thượng nói thế ấy là lý lẽ gì?

Đáp: Tìm ra lý lẽ để làm gì, vừa có lý lẽ Tâm đã đổi.

Hỏi: Trước Hòa Thượng nói vô thủy đến nay tâm vẫn thế ấy, lý do thế nào?

Đáp: Chỉ vì ông cố tìm, nên chính ông đã thay đổi, nếu ông không cố tìm thì không có gì thay đổi.

Hỏi: Nếu đã không thay đổi cần gì nói chính là?

Đáp: Nếu ông không tin có phàm thánh thì đâu ai nói với ông chính là. Nó không phải chính là, Tâm cũng không phải tâm thì trong tâm đều là vọng lại muốn chạy đến chỗ nào tìm.

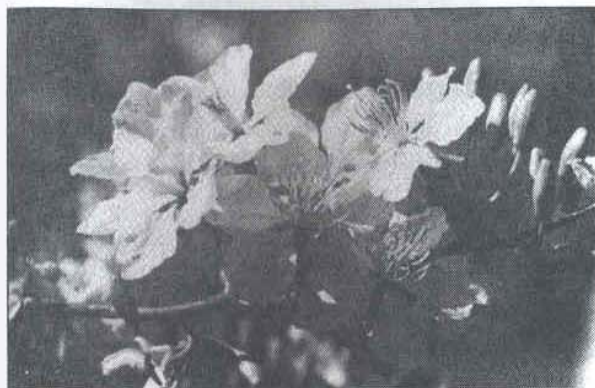
Hỏi: Vọng hay làm chướng ngại tự tâm, không biết làm sao cho hết vọng?

Đáp: Khởi vọng, nuôi vọng, trở thành vọng, vọng vốn không có gốc rễ, chỉ như phân biệt mà có, ông chỉ cần trong tình cảm dứt sạch thánh phàm, tự nhiên không còn vọng nữa. Dứt bỏ hai bên không còn một chút chấp trước. Nên Cổ Đức nói: "Bỏ cả hai tay tự nhiên thành Phật".

Hỏi: Đã không còn chấp giữ làm sao có sự truyền thừa?

Đáp: Lấy tâm truyền tâm.

Hỏi: Nếu nói lấy tâm truyền tâm lại nói tâm cũng không có?



Đáp: Không được một pháp gọi là truyền tâm, nếu hiểu tâm ấy là không tâm và không pháp.

Hỏi: Nếu không tâm, không pháp sao gọi là truyền?

Đáp: Ông nghe nói truyền tâm tưởng đâu là có người được, thực ra Tổ Sư dạy: " Khi nhận được tâm tánh rồi, có thể nói chỗ ấy không thể nghĩ bàn, rõ ràng không có chỗ nhận được". Khi được không nói là có biết, việc ấy nếu dạy ông làm sao hiểu?

Hỏi: Như hư không trước mắt có thể không phải cảnh, đâu không phải chỉ cảnh để thấy tâm?

Đáp: Ai bảo ông hướng trên cảnh để thấy, dù ông có thấy được cũng chỉ là cái cảnh được chiếu từ tâm như ông dùng gương để soi mặt, dù ông có thấy mặt, lông mi rõ ràng, nhưng cái ông thấy trong gương chỉ là ảnh tượng, đâu có liên hệ gì với mặt thật của ông. Nếu không như bóng chiếu trên gương mà khéo nhận ra thì bao giờ mới thấy được. Muốn chỉ chỗ không chỉ tới cần phải mượn vật. Khi ông đã được liễu ngộ, ông mới thấy không có người nào chỉ được mình, đúng như Cổ Đức nói:

Phủ tay thật mình không một vật,
Uống công lai nhãi đến muôn ngàn

Hỏi: Thế nào là thế Đế?

Đáp: Hỏi quanh quẩn để làm gì? Tánh Phật xưa nay vốn thanh tịnh, cần gì hỏi đáp, chỉ cần không có tất cả tâm gọi là vô lậu trí. Ông hằng ngày đi đứng, nằm, ngồi, tất cả lời nói, chỉ cần đừng chấp hữu vi thì mở lời, liếc mắt đều thành vô lậu. Thời mạt pháp này, phần nhiều những người học thiền đều chấp thanh sắc, sao không biết rằng tâm của ta đồng với hư không, như cây khô, gộp đá, như tro lạnh lửa tắt, biết như vậy mới có chút ít phần tương ứng với tâm. Nếu không được như thế nhất định có một ngày diêm vương gọi đến. Ông nếu lìa hết pháp có không, tâm như mặt trời thường ở trong hư không, ánh sáng tự nhiên không muốn chiếu mà vẫn chiếu sáng không cần cố gắng thêm. Đến lúc ấy không có chỗ nương gá, đó chính là hạnh của chư Phật, cũng chính là " nên ở nơi không chỗ trụ mà sanh tâm ấy". Đây là thanh tịnh pháp thân của ông, cũng gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nếu không hiểu được ý này dù ông học rộng biết nhiều, tu hành cần khổ, áo cỏ, rau dưa, không biết được tu tâm đều gọi là tà hạnh, chắc chắn là quyến thuộc của ma, tu hành như thế có lợi ích gì?

Hòa Thượng Chí Công dạy: Phật vốn do Tâm sao lại tìm trong văn tự! Dù Ông học được ba hiền bốn quả, mười

địa đầy lòng cũng chỉ ngồi ở trong phàm và thánh, làm sao thấy được đạo. " Các hành vô thường là pháp sanh diệt, như bản tên lên không trung, sức đã hết mũi tên dội xuống, chỉ làm những việc không vừa ý. Vào cửa vô vi thật tướng rồi, một bước đi vào thẳng đất Phật". Vì ông không biết có như chỉ kiến lập phương pháp tạm thời, lại khăng khăng muốn biết nhiều học rộng. Ông hôm nay trong tất cả thời đi, đứng, nằm, ngồi, gắng học Vô-Tâm, dần dần định lực thành tựu, vì sức tu kém không thể thành công ngay, phải cần ba năm, bốn năm hoặc mười năm, khi khai tỏ rồi đầu mới tự nhiên hiểu rõ. Nếu không thực hành như thế chạy theo học Thiền học Đạo làm sao có thể vào bể Phật Pháp được. Kinh nói: Như Lai nói Pháp cốt để dạy người, như đem lá vàng nói là vàng để dỗ trẻ con nín khóc, quyết định không thật, nếu chấp là thật, không phải là người của Tông môn ta, làm sao vào được bản thể? Kinh dạy: Thật không có một pháp có thể được nên gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Hiểu được ý ấy mới biết Phật đạo với ma đạo đều lắm, vì bản lai vốn trong sạch sáng rõ, không có các tướng vuông tròn, lớn, nhỏ, dài, ngắn, vô lậu, vô vi, không mê, không ngộ, thấy rõ ràng không sót một vật, cũng không người, cũng không Phật, đại thiên cõi cát như bọt trên đại dương, tất cả thánh hiền như điện nháng. Tâm chơn thật pháp thân từ xưa đến nay cùng loài với Phật Tổ không có thiếu một mảy lông. Đã hiểu được ý ấy cần phải gắng sức giác ngộ ngay, vì thân này vốn huyền mộng.

Hỏi: Tổ Huệ Năng không biết chữ sao lại được truyền Y Bát làm tổ? Thần Tú là Thượng Thủ trong năm trăm người, làm thầy giáo thọ giảng được 32 thứ kinh luận, vì sao không được truyền y?

Đáp: Vì Thần Tú có hữu vi tâm nên có hữu vi pháp, chỗ



tu chỗ chứng đều là hữu vi. Ngũ Tổ phú pháp cho Tổ Huệ Năng vì Huệ Năng mật khế thâm ý Như Lai, nên được truyền mật chỉ, ông đọc bài kệ phú pháp thì rõ.

Gốc pháp vốn là pháp không có pháp
Pháp không có pháp cũng là pháp
Nay phú pháp không pháp này
Mỗi pháp đều là pháp

Nếu hiểu ý đó mới gọi là người xuất gia, mới có thể tu hành. Một dẫn chứng để thấy rõ: Thượng Tọa Huệ Minh lẹ đến đỉnh núi tìm Lục Tổ. Tổ hỏi: Ông đến đây vì Y hay vì Pháp? Huệ Minh đáp: Không vì Y mà đến, chỉ vì Pháp mà đến. Lục Tổ dạy: Ông tạm thời bật nghỉ, thiện ác đều không nghĩ đến. Huệ Minh vâng lời. Giây lát, Tổ hỏi: Đừng nghĩ thiện, đừng nghĩ ác, chính đương lúc ấy cái gì là bản lai diện mục của Thượng Tọa Minh. Huệ Minh sau lời nói ấy bỗng nhiên Đại ngộ, liền lễ bái nói: Như người uống nước, lạnh nóng tự biết. Tôi ở trong hội Ngũ Tổ uống công dụng tu 30 năm, ngày nay mới biết sai lầm trước. Tổ dạy: Đúng thế! Phải biết đến lúc ấy mới biết Tổ Sư từ Ấn Độ sang, chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật không cần ở lời nói. Đầu không thấy A-Nan hỏi Tổ Ma Ha Ca Diếp: Thế Tôn truyền kim lan pháp y cho Sư huynh, ngoài ra còn truyền vật gì nữa không? Tổ Ca Diếp gọi: A-Nan! A Nan : Dạ. Tổ Ca Diếp: Cây phượng trước chùa ngã rồi! Đó là phiêu chuẩn của Tổ Sư. A Nan 30 năm làm thị giả chỉ được trí tuệ nghe nhớ nhiều, bị Phật quở :Ông ngàn ngày học huệ không bằng một ngày học đạo, nếu không học đạo, của tín thí khó tiêu.

Hỏi: Làm thế nào để không lạc vào thêm bậc?

Đáp: Ăn cơm suốt ngày chưa từng nhai một hạt cơm, đi suốt ngày chưa từng đạp một hạt cát, cũng trong lúc ấy không có tướng ngã nhưn, suốt ngày không lia tất cả việc mà không bị các cảnh làm mê hoặc, mới gọi là người tự tại. Chỉ cần mỗi giờ mỗi niệm không thấy tất cả tướng. Dung nhan ba phía trước sau. Phía trước không có đi qua, phía này không trụ, phía sau không đến, an nhiên ngồi thẳng, chẳng chấp lại qua, mới gọi là giải thoát. Gắng sức! Gắng sức! Trong tông môn ta, muôn người, ngàn người chỉ được năm, ba người. Nếu không cố gắng chắc có ngày mang họa, nên kinh dạy

Gắng sức một đời xong tất cả
Lo gì nhiều kiếp chịu tai ương!

Đoạn Tế